TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 26/2018/QĐST-HNGĐ	*P, ngày 15 tháng 01 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 244/2016/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2016, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tuấn D, sinh năm 1977.

Địa chỉ: 31 đường T, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1979.

Địa chỉ: 31 đường T, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 110 và 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 01 năm 2018,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Thị P.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con: Ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Thị P có hai con chung là cháu Nguyễn Hiếu V, sinh ngày 28-5-2002 và cháu Nguyễn Khã V, sinh ngày 28-5-2009.

Tại Đơn trình bày, cháu Nguyễn Hiếu V và cháu Nguyễn Khã V có nguyện vọng được ở với bà Nguyễn Thị P khi cha mẹ ly hôn.

Các đương sự thống nhất giao con của họ là cháu Nguyễn Hiếu V và cháu Nguyễn Khã V cho bà Nguyễn Thị P trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con: Công nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Tuấn D về việc cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Hiếu V và cháu Nguyễn Khã V mỗi tháng 2.000.000 đồng/cháu; việc cấp dưỡng được ông Nguyễn Tuấn D thực hiện từ ngày 15 tháng 01 năm 2018 cho đến khi các cháu thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ chung: Ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết các quan hệ này.

Về án phí: Tiền án phí dân sự sơ thẩm là 100.000 đồng, ông Nguyễn Tuấn D phải chịu 50.000 đồng, bà Nguyễn Thị P phải chịu 50.000 đồng; ông Nguyễn Tuấn D phải chịu 100.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con định kỳ và ông Nguyễn Tuấn D tự nguyện nộp thay toàn bộ cho bà Nguyễn Thị P nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai số 0002841 ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; ông Nguyễn Tuấn D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Cao Thị Thanh Huyền

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai (GCNKH số 121/2000, QS 01 ngày 13-12-2000);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.